

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 20/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2019

Ha Noi, 14 January 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 11/01/2019
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Components securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.800	4,3%
2	BMP	50	0,2%
3	BVH	100	0,7%
4	CII	280	0,6%
5	CTD	60	0,8%
6	CTG	570	0,9%
7	DHG	50	0,3%
8	DPM	240	0,4%
9	DXG	400	0,8%
10	EIB	1.420	1,7%
11	FLC	870	0,4%
12	FPT	710	2,5%
13	GAS	150	1,1%
14	GMD	390	0,8%
15	HBC	220	0,3%
16	HCM	80	0,3%
17	HDB	1.060	2,6%



Handwritten signature

18	HPG	1.960	4,9%
19	HSG	380	0,2%
20	KBC	540	0,6%
21	KDC	190	0,4%
22	MBB	1.830	2,9%
23	MSN	800	5,3%
24	MWG	420	3,0%
25	NKG	140	0,1%
26	NLG	190	0,4%
27	NVL	490	2,4%
28	PDR	160	0,3%
29	PLX	180	0,8%
30	PNJ	210	1,6%
31	PVD	290	0,4%
32	PVS	300	0,4%
33	REE	260	0,7%
34	ROS	210	0,6%
35	SAB	140	2,8%
36	SBT	450	0,8%
37	SHB	1.500	0,9%
38	SSI	460	1,0%
39	STB	2.640	2,5%
40	VCB	550	2,5%
41	VCG	200	0,4%
42	VCI	170	0,5%
43	VCS	100	0,5%
44	VGC	300	0,4%
45	VHM	1.290	8,0%
46	VIC	1.360	11,5%
47	VJC	410	3,9%
48	VNM	1.010	11,1%
49	VPB	2.840	4,5%
50	VRE	1.610	3,9%
II	Tiền/Cash	8.546.670 VND	0,0%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spead between a basket and one lot of ETF in value:*

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1.192.744.300 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.201.290.970 VND
- + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 8.546.670 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	89.500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	25.550	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	55.000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	28.900	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	42.150	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MBB	19.350	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MWG	86.000	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	NLG	25.300	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



9	PNJ	92.300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	REE	31.100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	VCG	23.100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	VPB	19.200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (11/01/2019)	Kỳ trước/Last Period (10/01/2019)	Chênh lệch/Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	9.700.000	9.700.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	12.050	12.000	50
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	<i>116.525.224.133</i>	<i>116.309.012.186</i>	<i>216.211.947</i>
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	<i>1.201.290.970</i>	<i>1.199.061.981</i>	<i>2.228.989</i>
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	<i>12.012,90</i>	<i>11.990,61</i>	<i>22,29</i>
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.368,56	1.361,99	6,57



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC